

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

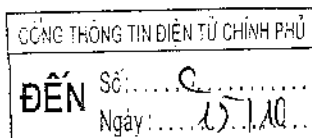
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 37/2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 10 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 545/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Phòng: KT, NC, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh

QUY ĐỊNH

**Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND
ngày 10/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp được thành lập và thực hiện dự án vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Doanh nghiệp* là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

2. *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

3. *Lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư* bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 4. Phân định các loại dự án đầu tư

1. *Vùng nông thôn* là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc, thành phố Long Xuyên.

2. *Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư* là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn thị xã Tân Châu và các huyện: An Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn.

3. *Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư* là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện: Chợ Mới, Phú Tân, Châu Thành, Châu Phú.

4. *Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư* là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn các xã thuộc thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

1. Nhà đầu tư khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên trước xem xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

2. Trong cùng một thời gian, nếu nhà đầu tư có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

Chương 2

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Mục 1

ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 6. Miễn, giảm tiền sử dụng đất

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư khi được Nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đó.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư khi được Nhà nước giao đất thì được giảm 70% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đó.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư khi được Nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đó.

Điều 7. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

b) Miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư:

a) Áp dụng mức giá thấp nhất của các loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

c) Miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư:

a) Áp dụng mức giá thấp nhất của các loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

c) Miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

Điều 8. Hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân

Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định về đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong 5 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

Điều 9. Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của tỉnh được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của tỉnh được giảm 50% tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án.

Mục 2 HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 10. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước. Mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng. Mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

Trường hợp nhà đầu tư tuyển dụng lao động dài hạn chưa qua đào tạo nghề, đang sinh sống trong rừng đặc dụng để đào tạo và sử dụng, góp phần bảo vệ rừng đặc dụng thì doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí đào tạo trực tiếp một lần tại doanh nghiệp cho mỗi lao động là 3 triệu đồng/3 tháng.

b) Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước.

c) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; được hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và từ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

2. Các khoản hỗ trợ nêu tại điểm a, b khoản 1 Điều này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án là 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các hỗ trợ này được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các khoản hỗ trợ đối với các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được lấy từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và từ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

Điều 11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị:

- Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án đạt từ 400 - 500 con gia súc hoặc 4.000 - 5.000 con gia cầm hoặc từ 200 - 250 con gia súc và 2.000 - 2.500 con gia cầm: Hỗ trợ 2 tỷ đồng/dự án.

- Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án từ 501 - 600 con gia súc hoặc 5.001 - 6.000 con gia cầm hoặc từ 251 - 300 gia súc và 2.501 - 3.000 con gia cầm: Hỗ trợ 2,5 tỷ đồng/dự án.

- Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án trên 600 con gia súc hoặc trên 6.000 con gia cầm hoặc trên 300 con gia súc và trên 3.000 con gia cầm: Hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ đầu tư đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án:

Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án: Hỗ trợ 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án phải đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 gia súc và 2.000 con gia cầm.

b) Nằm trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh.

Điều 12. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc có quy mô nuôi tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chung:

- Dự án chăn nuôi bò sữa cao sản: Hỗ trợ 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị.

- Các dự án còn lại: Hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án:

Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án: Hỗ trợ 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

c) Hỗ trợ khác:

- Dự án nhập giống gốc cao sản vật nuôi: Hỗ trợ 40% chi phí nhập giống gốc.

- Dự án nhập bò sữa giống từ các nước phát triển cho doanh nghiệp nuôi trực tiếp và nuôi phân tán trong các hộ gia đình: Hỗ trợ 15 triệu đồng/con (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 1.000 con trở lên đối với lợn thịt; hoặc từ 500 con trở lên đối với trâu, bò, dê, cừu thịt; hoặc từ 200 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại; hoặc từ 500 con đối với bò sữa cao sản.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh.

Điều 13. Hỗ trợ trồng cây dược liệu, cây mắc ca (macadamia)

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Xây dựng đồng ruộng, cây giống đối với nhà đầu tư có dự án trồng cây được liệu, cây mắc ca có quy mô từ 50 ha trở lên: Hỗ trợ 15 triệu đồng/ha.

b) Xây dựng cơ sở sản xuất giống cây mắc ca quy mô 500.000 cây giống/năm trở lên: Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư/cơ sở và không quá 2 tỷ đồng.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

b) Cây được liệu nằm trong danh mục ưu tiên và khuyến khích phát triển do Bộ Y tế ban hành, Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển được liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

c) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh.

Điều 14. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sấy phụ phẩm thủy sản

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sấy phụ phẩm thủy sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện:

a) Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai phải đạt tối thiểu 150 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu lúa, ngô, khoai, phụ phẩm thủy sản tại tỉnh.

Điều 15. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ; chế tạo thiết bị cơ khí để bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án: Hỗ trợ không quá 60% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí xử lý chất thải: Hỗ trợ không quá 70% chi phí.

c) Chi phí vận chuyển sản phẩm: Hỗ trợ 1.500 đồng/tấn/km trong thời gian 5 năm, hỗ trợ một lần ngay sau khi hoàn thành đầu tư. Trong đó:

- Khoảng cách hỗ trợ được tính từ địa điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến đến trung tâm tỉnh theo đường ô tô gần nhất.

- Khối lượng vận chuyển tính theo công suất thực tế nhà máy.

d) Xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến hàng rào dự án:

Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến hàng rào dự án: Hỗ trợ 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng các hạng mục nêu trên (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

b) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy mô công suất tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

c) Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

d) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

đ) Dự án không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 14 của Quy định này.

e) Nhà đầu tư có dự án chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản phải sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu nông lâm thủy sản chính tại tỉnh.

Điều 16. Cơ chế hỗ trợ đặc thù của tỉnh An Giang

1. Cơ chế hỗ trợ:

Ngoài cơ chế hỗ trợ đầu tư nêu tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, các dự án đáp ứng điều kiện nêu tại điểm a khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ đầu tư như sau:

a) Được ưu tiên xem xét vay vốn, bảo lãnh tín dụng hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa và các Quỹ Tài chính do tỉnh quyết định thành lập.

b) Đối với dự án có sử dụng đất với quy mô tối thiểu 4 ha: Hỗ trợ 1 tỷ đồng/dự án để Nhà đầu tư thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nhà đầu tư phải có phương án bồi thường giải phóng mặt bằng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hỗ trợ 1 tỷ đồng/dự án để đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt loại A. Dự án này phải được phê duyệt theo quy định như dự án có sử dụng vốn Nhà nước.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học hoặc lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

b) Thời gian hoạt động dự án tối thiểu 10 năm. Nếu dự án chấm dứt hoạt động trước 10 năm thì Nhà đầu tư phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ đầu tư cho Nhà nước.

Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì nhà đầu tư mới kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và cấp quyết định ưu đãi, hỗ trợ

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 18. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ đầu tư

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án và ngân sách tỉnh. Cụ thể:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ngân sách tỉnh: Hàng năm tỉnh dành từ 2% đến 5% ngân sách để thực hiện.

2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho dự án có mức cần hỗ trợ trên 2 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án còn lại, gồm cả những dự án lớn hơn 2 tỷ đồng nhưng không thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

Chương 3 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ngành cấp tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi tình hình thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp danh mục, lập đề cương chi tiết và tiến hành công bố công khai trên các phương tiện thông tin, trên website tỉnh An Giang hoặc tiến hành thực hiện các phương thức thích hợp để mời gọi đầu tư đối với dự án đầu tư lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy hoạch được duyệt.

c) Thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh để Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện đầu tư trực tiếp và cho vay.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách này.

e) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ, ngành Trung ương về triển khai Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về: giết mổ gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung công nghiệp; phát triển cây công nghiệp chính; cây dược liệu; cây mắc ca tại vùng có điều kiện tự nhiên, địa lý phù hợp; nuôi trồng thủy sản; cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và quy hoạch phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá và công nhận tiến bộ khoa học và công nghệ mới của các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố danh mục các dự án đã đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu quả. Thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa nông, lâm, thủy sản và điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan hướng dẫn và thực hiện các dự án theo cơ chế phát triển sạch hoặc theo cơ chế tín chỉ vàng tự nguyện cho ngành nông nghiệp.

d) Triển khai Kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật - tài chính - thị trường cho các sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính:

a) Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh quyết toán các khoản hỗ trợ đầu tư; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án cụ thể theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ, ngành Trung ương về triển khai Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, thẩm định và trình phê duyệt các dự án được hỗ trợ theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

c) Hướng dẫn lập, tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo thẩm quyền và kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các nhà đầu tư theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án cụ thể theo quy định hiện hành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai lập quy hoạch phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đăng ký và xây dựng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục và trình phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có ứng dụng công nghệ cao từ Quỹ phát triển khoa học công nghệ của tỉnh và từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp nhu cầu và bố trí kinh phí hỗ trợ, đào tạo nghề cho người lao động nông thôn tham gia làm việc trong các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề cho nhà đầu tư có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Công Thương:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí để chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; chợ nông thôn.

b) Triển khai Đề án Xác lập khung chính sách tiếp cận, thiết lập và xâm nhập thị trường cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đa dạng có lợi thế của doanh nghiệp và người dân An Giang vào hệ thống phân phối trong và ngoài nước đến năm 2020.

8. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành địa phương liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức hội chợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hàng năm; đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, cung cấp các thông tin về giá cả thị trường.

9. Cục Thuế tỉnh:

a) Hướng dẫn và thực hiện các chế độ ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục hạch toán các khoản hỗ trợ đầu tư vào chi phí sản xuất trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án cụ thể theo quy định hiện hành.

10. Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Đồng Tháp - An Giang:

a) Hướng dẫn và thực hiện các nghiệp vụ bảo lãnh, cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ đầu tư (vốn đầu tư, vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư, vốn sự nghiệp) hàng năm (kể cả hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Trung ương) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện.

c) Công khai về trình tự, thủ tục hồ sơ vay vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để thực hiện các dự án theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công Thương trong việc lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về: giết mổ gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung công nghiệp; phát triển cây công nghiệp chính; cây dược liệu; cây mắc ca tại vùng có điều kiện tự nhiên, địa lý phù hợp; nuôi trồng thủy sản; cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí để chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; chợ nông thôn.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án trên địa bàn mình quản lý theo quy định hiện hành.

3. Phối hợp với các sở, Ban, ngành liên quan kiểm tra đôn đốc chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề

nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc, khó khăn của nhà đầu tư trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Chương 4

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Chế độ báo cáo

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện Quy định này. Đề xuất kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Định kỳ sáu (06) tháng một lần, Sở Kế hoạch và Đầu tư có báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân, tổ chức liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Vương Bình Thạnh

PHỤ LỤC

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1. Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu.
2. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Xây dựng cánh đồng lớn.
3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
5. Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy hải sản.
6. Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.
7. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.
8. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.
9. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
10. Sản xuất hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
11. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.
12. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp.
13. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.
14. Xây dựng chợ nông thôn; xây dựng ký túc xá công nhân ở nông thôn.
15. Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm.
16. Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn.
17. Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản ở vùng nông thôn.
18. Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về Phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, gồm:

- Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP, tập trung vào các loại cây lương thực, cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Sản xuất rau an toàn, hoa cao cấp trong nhà lưới, nhà kính.

- Nhân giống và sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu quy mô tập trung.

- Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các bộ kit chẩn đoán bệnh, các loại phân bón thế hệ mới trong trồng trọt và bảo vệ cây trồng nông nghiệp.

- Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các loại thức ăn chăn nuôi, vắc-xin, bộ kit mới trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh.

- Nuôi thâm canh, siêu thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng một số loài thủy sản.

- Sản xuất thức ăn, các loại thuốc phòng trị bệnh thủy sản, sản xuất các bộ kit chẩn đoán nhanh bệnh trên các đối tượng nuôi thủy sản.

- Sản xuất vật liệu mới, thiết bị và thi công các công trình thủy lợi;

- Xây dựng và mở rộng mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm cho một số loại cây trồng nông, lâm nghiệp.

- Xây dựng và phát triển các cơ sở tự động hoặc bán tự động trong trồng trọt (nhân giống và sản xuất rau, hoa), chăn nuôi (lợn, gà, bò), thủy sản (sản xuất giống và nuôi thâm canh cá, tôm)/.